

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày: 07/9/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú Lộc.

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Công G, sinh ngày 25/11/2000 tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp HP, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 4/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị T; có vợ tên Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 21/12/2007 và có 01 con tên Nguyễn Gia H (Nguyễn Trường P, Nguyễn Công H), sinh ngày 29/10/2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 21/12/2007; nơi cư trú: ấp HP, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG. Vắng mặt

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

+ Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp HP, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG. Có mặt

+ Phạm Văn T2, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp HP, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp HP, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG. Có mặt

+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp HP, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

+ Bà Trần Thị Cẩm Sách – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. Có mặt

+ Ông Phạm Minh Tâm – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. Có mặt

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Công A (có mặt), bà Phạm Thị H1 (vắng mặt), bà Huỳnh Thị N (có mặt), bà Huỳnh Thị Mỹ D (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/10/2021, Nguyễn Công G sinh ngày 25/11/2000 và Phạm Thị Ngọc H sinh ngày 21/12/2007, nơi cư trú: ấp HP, xã ĐHC, huyện CP được hai bên gia đình là Huỳnh Thị T, Nguyễn Văn V (cha, mẹ G) và Nguyễn Thị Bích T1, Phạm Văn T2 (cha, mẹ H) đứng ra tổ chức đám cưới cho G và H. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/10/2021 đến ngày 28/10/2022 G đã nhiều lần giao cấu với H dẫn đến mang thai. Quá trình chung sống G và H phát sinh mâu thuẫn, G bỏ đi khỏi địa phương không liên lạc được nên ngày 28/10/2022, Nguyễn Thị Bích T1 đến Công an xã Đào Hữu Cảnh trình báo sự việc và yêu cầu xử lý hình sự đối với G. Ngày 29/10/2022, H sinh con đặt tên Nguyễn Trường P.

Ngày 01/3/2023, G bị khởi tố điều tra.

* Căn cứ Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 164/23/KLTDTE -TTPY ngày 03/3/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, đối với Phạm Thị Ngọc H sinh ngày 21/12/2007. Địa chỉ: ấp HP, xã ĐHC, huyện CP, kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Màng trinh: rách cũ vị trí 3 giờ, 7 giờ, 9 giờ.

- Bộ phận sinh dục ngoài không ghi nhận bất thường.

- Các bộ phận khác không có thương tích liên quan đến vụ việc này.

2. Kết luận:

- Màng trinh: rách cũ vị trí 3 giờ, 7 giờ, 9 giờ.

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần:

+ Màng trinh không xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 00% (không phần trăm).

* Căn cứ Kết luận giám định số 6486/KL-KTHS ngày 13/01/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Phạm Thị Ngọc H với bé trai (SN: 29/10/2022) có quan hệ huyết thống mẹ - con.

- Nguyễn Công G với bé trai (SN: 29/10/2022) có quan hệ huyết thống cha - con.

Lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại: Phạm Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Bích T1, Phạm Văn T2 (cha, mẹ của H) trình bày phù hợp với nội dung vụ án. H sinh ngày 21/12/2007 là đúng, khi tổ chức đám cưới cho H và G thì H được 14 tuổi, Tuyền và Thành biết chưa đến tuổi kết hôn, nhưng do không am hiểu pháp luật. Qua sự việc H, Tuyền và Thành không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho G.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị T, Nguyễn Văn V (cha, mẹ của G) trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Tuyệt, Vũ không biết H chưa đến tuổi kết hôn. Sau đám cưới thì H mang thai đến ngày 29/10/2022 thì H sinh con (sinh thiếu tháng), do H và G chưa đến tuổi đăng ký kết hôn nên chưa làm giấy khai sinh được, nhưng gia đình có đặt tên là Nguyễn Trường P (Nguyễn Gia H).

Lời khai của, người làm chứng: Phạm Công A, Phạm Thị H1, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị Mỹ D trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Công G khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung vụ án, lời khai bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Lúc mới cưới thì G được gia đình H cho biết H đủ 18 tuổi, sau khi cưới xong thì G mới biết H 15 tuổi, G thực hiện hành vi giao cấu với H lần đầu vào ngày 22/10/2021.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSCP.HS ngày 28/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Công G về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Công G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan sai.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là Nguyễn Thị Bích T1 và Phạm Văn T2 trình bày đúng như nội dung vụ án. Khi gia đình bị cáo đến hỏi cưới thì ông bà nói dối bị hại đã đủ 18 tuổi. Ngày 24/10/2021, gia đình hai bên tổ chức đám cưới cho bị cáo và bị hại. Ông bà không biết hành vi tổ chức đám cưới cho bị hại khi chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật về tội tổ chức tảo hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm về nuôi con của bị cáo vì sau khi bị hại H sinh con gần một tháng thì H đã giao con cho gia đình bị cáo nuôi dưỡng cho đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết và Nguyễn Văn V trình bày đúng như nội dung vụ án. Trước khi tổ chức lễ cưới thì gia đình bị hại và bị hại cho ông bà biết bị hại đã đủ 18 tuổi. Ngày 24/10/2021, ông bà có tổ chức đám cưới cho bị cáo và bị hại. Sau khi kết hôn bị cáo với bị hại sống cặp bên nhà ông bà tại ấp Hưng Thuận, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ngày 29/10/2022, bị hại sinh con đặt tên Nguyễn Trường P, do khó nuôi nên đổi tên thành Nguyễn Công H và hiện nay là Nguyễn Gia H. Sau khi sinh con gần một tháng thì bị hại H giao con cho gia đình ông bà nuôi dưỡng cho đến nay, hiện con của bị cáo và bị hại chưa có giấy khai sinh. Quá trình giải quyết vụ án ông bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng ông bà không yêu cầu bị cáo trả lại.

Người làm chứng Phạm Công A, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị Mỹ D trình bày đúng như nội dung vụ án, ngày 24/10/2021 bị cáo với bị hại có tổ chức đám cưới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thực hiện quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích lời khai của bị cáo, cùng với các tình tiết, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án vẫn giữ nguyên quyết định truy

tổ bị cáo Nguyễn Công G về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Công G từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Về hình phạt bổ sung: không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề nghị xem xét; Nguyễn Thị Tuyết và Nguyễn Văn V không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi bị cáo đã thực hiện, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để được sớm về nuôi con và chăm sóc cha mẹ.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là Nguyễn Thị Bích T1, Phạm Văn T2 không trình bày quan điểm tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn V không trình bày quan điểm tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại bà Trần Thị Cẩm Sách – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh An Giang trình bày quan điểm tranh luận: Thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh truy tố và các điều, khoản áp dụng với bị cáo. Trong vụ án này bị cáo với bị hại tiến đến hôn nhân do gia đình hai bên mai mối và có tổ chức đám cưới. Trong thời gian chung sống do xảy ra mâu thuẫn nên bị cáo bỏ nhà đi không liên lạc được, vì thương con nên gia đình bị hại đã đến Công an tố giác hành vi phạm tội của bị cáo. Trong thời gian Tòa án chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Phạm Minh Tâm – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh An Giang trình bày: Thống nhất với quan điểm bảo vệ của bà Trần Thị Cẩm Sách – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. Từ khi bị khởi tố điều tra cho đến khi phiên tòa được mở hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường cho bị hại. Vì vậy, để thể hiện được tính nghiêm minh cũng như thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc áp dụng mức hình phạt theo đề xuất của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Người làm chứng Phạm Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra vụ án đã có lời khai của Phạm Thị H1 và lời khai này phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của bị cáo. Vì vậy, việc Phạm Thị H1 vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi của bị cáo thể hiện như sau:

Gia đình bị cáo và gia đình bị hại do quen biết nên có hứa hẹn sẽ tổ chức đám cưới cho bị cáo và bị hại. Khi gia đình bị cáo đến xem mắt thì gia đình bị hại và bị hại cho biết bị hại đã đủ 18 tuổi. Vì vậy, gia đình bị cáo đồng ý cưới và ấn định ngày 24/10/2021 sẽ tổ chức đám cưới. Ngày 22/10/2021, bị cáo và bị hại tự nguyện quan hệ tình dục 01 lần tại nhà cha mẹ bị hại. Ngày 23/10/2021, bị hại tự ý qua nhà chung sống như vợ chồng với bị cáo và cả hai đã tự nguyện quan hệ tình dục 01 lần. Ngày 24/10/2021, gia đình hai bên tổ chức đám cưới cho bị cáo và bị hại. Sau khi cưới bị cáo mới biết bị hại chưa đủ 18 tuổi qua lời thừa nhận của bị hại. Sau ngày 24/10/2021 bị cáo và bị hại đã nhiều lần quan hệ tình dục và dẫn đến bị hại có thai và sinh được bé trai vào ngày 29/10/2022 đặt tên là Nguyễn Gia H (Nguyễn Trường P, Nguyễn Công H). Trong thời gian bị hại mang thai giữa bị cáo và bị hại xảy ra mâu thuẫn nên bị cáo bỏ nhà đi không liên lạc được. Vì vậy, gia đình bị hại trình báo Công an về việc bị cáo thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại dẫn đến có thai.

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa đã đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo đã phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số

23/CT-VKSCP.HS ngày 28/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Tính chất vụ án:

Hiện nay tình trạng xâm hại tình dục với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thường xảy ra và có chiều hướng gia tăng, nhất là ở vùng nông thôn. Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, khoẻ mạnh, nhận thức được hành vi của bản thân và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Chỉ vì ham muốn và để thỏa mãn dục vọng tức thời nên bị cáo cố tình phạm tội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của bị hại. Ngoài ra, còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và đời sống bình thường của xã hội. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo với bị hại tiến đến hôn nhân do sự mai mối của gia đình và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương; khi tiến đến hôn nhân gia đình bị hại đã thông tin sai sự thật về độ tuổi của bị hại; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nghĩ rằng bị hại đã đủ tuổi kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng: không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã tự thú những lần phạm tội trước đó; trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp; gia đình bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, hiện con của bị cáo do gia đình bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt chính: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống biết tôn trọng pháp luật và ngoài ra cũng đủ để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: nghề nghiệp của bị cáo là làm thuê nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn V, Huỳnh Thị T (cha mẹ của bị cáo), Nguyễn Thị Bích T1, Phạm Văn T2 (cha mẹ của bị hại) có hành vi tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho bị cáo và bị hại khi bị hại chưa đến tuổi kết hôn. Tuy nhiên, Vũ và Tuyết không biết bị hại chưa đến tuổi kết hôn. Riêng Tuyền và Thành biết bị hại chưa đến tuổi kết hôn là có dấu hiệu của tội “Tổ chức tảo hôn” theo quy định tại Điều 183 Bộ luật Hình sự, nhưng Tuyền và Thành chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Phú có công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh xử lý hành chính theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình chuẩn bị xét xử cha mẹ bị cáo là Nguyễn Văn V và Huỳnh Thị T đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét. Tại phiên tòa Nguyễn Văn V và Huỳnh Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng nên không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công G phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công G 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2023.

- Về án phí: căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người BVQ và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Công an H.Châu Phú;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VT.

Trần Văn Quang